

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13 /2026/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước cho hoạt động quản lý
và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 1841/TTr-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi ngân

sách nhà nước cho hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 494/BC-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước cho hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước cho hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 5 năm 2026.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 2 (Kỳ họp chuyên đề năm 2026) thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2026. / *phạm*

Nơi nhận: *thư*

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu - Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, KH-CN;
- Cục KT văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ KH-CN;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT (TĐ).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước cho hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13 /2026/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước cho hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và các điểm a, đ, e, i, k khoản 11 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, bao gồm:

Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là chương trình, nhiệm vụ). Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phân loại nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là hoạt động hỗ trợ).

b) Những nội dung không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ, bao gồm:

a) Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa áp dụng đối với một số nội dung chi cho hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại tiểu điểm a3 điểm a khoản 7 Điều 6 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chủ động áp dụng quy định tại Nghị quyết này trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

3. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật của nhà nước có liên quan.

Điều 3. Kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ

1. Nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện chương trình, nhiệm vụ đặt hàng hằng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt hướng đến mục tiêu bố trí tối thiểu 70% trong tổng dự toán chi ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại tiểu điểm đ1 điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Nguồn ngân sách tỉnh hằng năm còn lại sau khi đã bố trí để đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ được bố trí để tài trợ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ. Căn cứ và trình tự thực hiện tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Mức đảm bảo của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản.

b) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ phát triển công nghệ và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội với mức bảo đảm kinh phí như sau:

b1) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa 80% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội.

b2) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ.

b3) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại tiểu điểm b1 và b2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

c) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để xét tài trợ thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP như sau:

c1) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, kết quả thực hiện nhiệm vụ để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 30% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c2) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c3) Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại tiểu điểm c1 và tiểu điểm c2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

c4) Đối với các nhiệm vụ quy định tại các tiểu điểm c1 và c2 điểm này, Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đề xuất tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại tiểu điểm c1 và tiểu điểm c2 điểm này và trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt.

d) Đối với nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí thực hiện bao gồm:

d1) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý.

d2) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu quyền là cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.

d3) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ để phát triển công nghệ chiến lược theo Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

đ) Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình, nhiệm vụ được quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không vượt quá 2,5 lần giá trị đóng góp của đối tác nước ngoài đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ:

a) Mức chi từ nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp do doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp tự quyết định.

b) Các khoản chi của doanh nghiệp trực tiếp cho chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

c) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định về nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

5. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 4. Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP theo các nội dung chi và mức hỗ trợ quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động hỗ trợ tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP được phê duyệt theo nguyên tắc như sau:

b1) Đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ.

b2) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở ngoài công lập, doanh nghiệp và tổ chức khác, mức tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ.

c) Nội dung và mức chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo các quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này và theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

d) Số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này được xác định trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp lệ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ và tối đa không vượt quá số kinh phí được phê duyệt thực hiện hoạt động hỗ trợ.

2. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 5. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó:

Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15) là 56 triệu đồng/người/tháng.

Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15) là 42 triệu đồng/người/tháng.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (mức tiền công theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

c) Đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

d) Hệ số lao động khoa học của các chức danh và dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thuê chuyên gia trong nước

a1) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ

và đổi mới sáng tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. Tổng dự toán kinh phí thực hiện thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao quy định tại khoản 1 Điều này.

a2) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ.

b) Chi thuê chuyên gia ngoài nước là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài

b1) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài, tổ chức chủ trì nhiệm vụ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, hiệu quả của việc thuê chuyên gia cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này.

b2) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyển đổi số có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải trình cụ thể lý do để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Đối với tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách của chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 249/2025/NĐ-CP quy định về cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và nước ngoài, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An; Thông tư số 71/2018/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học được quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)
1	Người chủ trì	Buổi	2.000	1.600
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	560	420
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	3.000	2.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.800	1.500
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên, buổi	300	240

4. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); hoặc theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Long

An; Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

5. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15) và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15 - nếu có), được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia, địa điểm, phương thức đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo/hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

6. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung (bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện, chi phí hành chính để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15) và 300 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15).

7. Dự toán thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP), trong đó:

Đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực: mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 60 triệu đồng/01 TCVN có độ dày dưới 50 trang; đối với độ dày từ 50 trang trở lên thì mức hỗ trợ thêm được xác định như sau: đối với TCVN có độ dày dưới 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm tối đa 20 triệu đồng, đối với TCVN có độ dày trên 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm tối đa 15 triệu đồng. Căn cứ thanh toán là TCVN được cấp có thẩm quyền công bố; QCVN, QCDP được cấp có thẩm quyền ban hành.

Đối với TCVN, QCVN, QCDP được xây dựng mới, mức hỗ trợ được xác định theo khối lượng công việc thực tế phát sinh; tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu do Nhà nước quy định và báo giá của nhà cung cấp đối với hạng mục thuê ngoài. Riêng đối với hạng mục xây dựng dự thảo TCVN, QCVN, QCDP được xác định bằng 40% mức hỗ trợ đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực tại điểm này.

b) Chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế được xác định căn cứ số lượng tiêu chuẩn xây dựng và áp dụng dự kiến; báo giá dịch vụ của tổ chức hoặc chuyên gia được công nhận tại thời điểm lập dự toán; mức chi đào tạo, hội

thảo theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An; Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

c) Chi hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định tại khoản 5 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa với mức tối đa 30% giá trị hợp đồng thử nghiệm và chứng nhận. Tiêu chí xác định hỗ trợ theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 6. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Dự toán định mức hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

a) Dự toán chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND; Thông tư số 71/2018/TT-BTC; Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

b) Dự toán chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng bao gồm ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện nghiên cứu quy định tại điểm này không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu trong thời gian không quá 12 tháng với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

c) Dự toán chi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong đó ưu tiên cho nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài.

c1) Hỗ trợ tối đa 06 tháng tiền sinh hoạt phí theo mức quy định tại Thông tư số 30/2022/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030.

c2) Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trong thời gian ở nước đi thực tập, nghiên cứu theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

d) Dự toán chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

d1) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng C quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND; Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

d2) Chi phí ăn ở, đi lại của Ban tổ chức theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

đ) Dự toán chi công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

đ1) Hỗ trợ 100% phí công bố (phí đăng tải kết quả nghiên cứu) cho công trình khoa học và công nghệ do cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học thực hiện.

đ2) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu do cá nhân nhà khoa học thực hiện không sử dụng ngân sách nhà nước, ngoài kinh phí công bố kết quả nghiên cứu quy định tại điểm d khoản này, cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học sẽ được hỗ trợ thêm 2 tháng tiền công lao động khoa học tương ứng với thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này. Đối với nhóm nhà khoa học, người đăng ký hỗ trợ là người được nhóm nhà khoa học xác nhận là tác giả chính.

đ3) Điều kiện xem xét hỗ trợ và tiêu chí hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 53 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

e) Dự toán chi hỗ trợ nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học được ngân sách nhà nước hỗ trợ

e1) Phí xuất bản trong thời gian không quá 02 năm để các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới nhận xuất bản tạp chí được lập dự toán theo báo giá của nhà xuất bản tại thời điểm đề xuất hỗ trợ.

e2) Kinh phí thuê biên tập tiếng Anh trong thời gian không quá 02 năm. Mức chi biên tập tiếng Anh được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

g) Dự toán chi tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo: mức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 50 Nghị định 152/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

h) Dự toán chi hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn được ngân sách nhà nước hỗ trợ

h1) Chi phí thuê chỗ ở trong thời gian tối đa 03 tháng, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng B quy định Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND; Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

h2) Chi dịch thuật phục vụ trao đổi học thuật quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND; Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

i) Dự toán chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP: thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Định mức hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo:

a) Chi hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia triển khai các khóa đào tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a1) Chi hỗ trợ kinh phí thuê đối với chuyên gia trong nước: đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

a2) Chi hỗ trợ kinh phí thuê đối với chuyên gia nước ngoài: Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động.

b) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND; Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

c) Chi hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế.

c1) Chi hỗ trợ kinh phí thuê đối với chuyên gia trong nước: theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

c2) Chi hỗ trợ kinh phí thuê đối với chuyên gia nước ngoài: Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

d) Chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

d1) Chi hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung.

d2) Chi hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ương tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

đ) Dự toán chi tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện; tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các đơn vị cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương, quốc gia, quốc tế

đ1) Chi hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

đ2) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND; Thông tư số 71/2018/TT-BTC; Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo trong nước).

đ3) Nội dung và mức chi tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh: thực hiện theo nội dung và mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật do tỉnh tổ chức quy định tại Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND quy định một số nội dung chi và mức chi đối với các Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

e) Chi truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

e1) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

e2) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, băng điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

e3) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP.

e4) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội, nhuận bút): Thực hiện theo quy định tại

Nghị định số 18/2014/NĐ-CP và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

e5) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

g) Chi hoạt động thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ

g1) Chi thuê chuyên gia (trong nước và quốc tế) để xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, và cơ sở dữ liệu. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và quốc tế được xác định theo hợp đồng khoán việc, trên cơ sở thương thảo, thuyết minh rõ kết quả và tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

g2) Chi khảo sát, điều tra, thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND; Thông tư số 109/2016/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

g3) Chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ. Mức chi thuê chuyên gia xác định căn cứ báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

g4) Chi tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

g5) Dự toán chi khảo sát, nghiên cứu thị trường

Chi tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND; Thông tư số 109/2016/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

Chi công tác phí, chi hội nghị phục vụ công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

Điều 7. Nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)
1	Chi Hội đồng: - Xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; - Xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; - Xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; - Xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; - Tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển.			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.800	1.440
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.500	1.200
	Thư ký khoa học		300	240
	Thư ký hành chính		300	240
	Đại biểu được mời tham dự		200	160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét		
	Nhận xét đánh giá của thành		700	560

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)
	viên (ủy viên) Hội đồng			
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000	800
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		700	560
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		500	400
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo			
a	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.500	1.200
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	800
	Thư ký khoa học		300	240
	Thư ký hành chính		300	240
	Đại biểu được mời tham dự		200	160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét		
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		500	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	560

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả		
	Chủ tịch Hội đồng		1.800	1.440
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500	1.200
	Thư ký khoa học		300	240
	Thư ký hành chính		300	240
	Đại biểu được mời tham dự		200	160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét		
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		700	560
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện trong Hội đồng		1.000	800
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số	
	Chủ tịch Hội đồng	Công		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu	
	Thư ký khoa học	Công		
	Thư ký hành chính	Công		
b	Chi nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		1.000	600
5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.500	1.200

b) Dự toán chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng tối đa bằng 150% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Dự toán chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

d) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000	800
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	560
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	240
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	160

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

b) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này.

6. Đối với các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Các khoản chi cho đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BKHCN được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

- a) Chi quản lý, lập kế hoạch và đánh giá;
- b) Chi xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu, công cụ thu thập dữ liệu;
- c) Chi xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá;
- d) Chi tổng hợp, phân tích, thống kê kết quả đánh giá;
- đ) Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá cho cán bộ, chuyên gia;
- e) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- g) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- h) Chi công bố, tổng kết, công khai kết quả đánh giá;
- i) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- k) Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược thực hiện theo quy định tại mục 4

điểm a khoản 1 Điều này.

8. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND; Thông tư số 109/2016/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính; Thông tư số 140/2025/TT-BTC và quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này.

9. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong quá trình quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thuê chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 7 để thực hiện các công việc tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Việc lập dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập áp dụng theo mức lương của chuyên gia quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV, trừ mức thù lao chi trả cho chuyên gia độc lập được quy định tại mục 5 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện các nội dung công việc quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. Căn cứ lập dự toán thuê tổ chức tư vấn độc lập dựa trên số lượng chuyên gia tư vấn cần thiết và mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác để phục vụ hoạt động của tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

Việc thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập và các dịch vụ cần thiết khác để phục vụ hoạt động của tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 (quy định cụ thể tại khoản 1 và khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15) thì tiếp tục áp dụng định mức chi quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 93/2025/QH15 thì được áp dụng định mức chi quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các quy định tại Nghị quyết này kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cụ thể hóa bằng văn bản địa phương thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản địa phương đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.